Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 358 /NQ-CP	*Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2022, số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023, số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022, số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022, số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 và số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ.

Đối với các nhiệm vụ, đề án thuộc các Nghị quyết số 96/NQ-CP, số 14/NQ-CP, số 168/NQ-CP, số 152/NQ-CP, số 154/NQ-CP và số 78/NQ-CP của Chính phủ chưa triển khai hoặc đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư, phê duyệt: Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm rà soát, đối chiếu với quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình hành động này. Trường hợp nội dung vẫn phù hợp, tiếp tục hoàn thiện thủ tục để triển khai, trong đó lồng ghép các nhiệm vụ của Chương trình hành động này. Trường hợp nội dung không còn phù hợp với Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình hành động này thì cơ quan chủ trì chủ động dừng thực hiện mà không phải đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét cho dừng thực hiện.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH(2b).14

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Túc

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới

(Kèm theo Nghị quyết số 358 /NQ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhằm thống nhất trong công tác chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt, triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về tầm quan trọng của việc triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 27-NQ/TW nhằm phát huy hơn nữa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, thúc đẩy liên kết vùng và khai thác hiệu quả không gian phát triển mới của các địa phương và vùng sau sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm rõ nội dung, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, kết quả/đánh giá và thời hạn hoàn thành.

3. Phát huy vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo nguyên tắc phân công, phân cấp, phân quyền rõ ràng, tập trung, dân chủ, phối hợp chặt chẽ gắn với trách nhiệm của từng bộ, cơ quan trung ương, địa phương; bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, liên thông trong quy hoạch, đầu tư, phát triển hạ tầng, dữ liệu và phân bổ nguồn lực; hài hòa lợi ích giữa địa phương, vùng và quốc gia. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương gắn với công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát nhằm phát huy mạnh mẽ tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường của các vùng và địa phương.

4. Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 của từng vùng kinh tế - xã hội tại Phụ lục I kèm theo Chương trình hành động; hướng tới tầm nhìn phát triển các vùng đến năm 2045 theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện thắng lợi các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể tại Nghị quyết số 27-NQ/TW, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ

quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới

- Tập trung quán triệt, tuyên truyền nội dung của Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết nhằm tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, tư duy và tạo sự đồng thuận, quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển 6 vùng kinh tế - xã hội gắn với tổ chức lại không gian phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh mới.

- Chuyển mạnh từ tư duy phát triển chủ yếu dựa vào nguồn lực sẵn có sang kiến tạo, dẫn dắt, khơi thông và kích hoạt mọi nguồn lực; phát huy nội lực là cơ bản, chiến lược, lâu dài, quyết định.

- Quản trị đồng bộ không gian phát triển vùng với không gian phát triển quốc gia trên cơ sở phát huy tối đa ưu điểm nổi trội, lợi thế cạnh tranh, bản sắc văn hoá của từng vùng và từng địa phương. Phát huy liên kết, bổ trợ và lan toả giữa các vùng, vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, chuỗi đô thị và các trung tâm kinh tế.

2. Tổ chức không gian phát triển vùng và thực hiện tốt quy hoạch vùng

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các quy hoạch vùng gắn với các định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia trên địa bàn vùng; tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng theo hướng đa tầng, đa cực, liên kết đồng bộ đất liền, vùng biển, vùng trời, không gian ngầm, không gian số và các không gian phát triển mới, phù hợp với chức năng, tiềm năng, lợi thế, điều kiện tài nguyên, môi trường sau sắp xếp đơn vị hành chính và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

- Hình thành và phát triển các hành lang kinh tế: Hành lang kinh tế Bắc - Nam trên cơ sở trục giao thông Bắc - Nam phía Đông; Hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế Mộc Bài (Tây Ninh) - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu; từng bước hình thành, phát triển các hành lang kinh tế khác trong dài hạn, kết nối hiệu quả các vùng động lực, cực tăng trưởng quốc gia; chú trọng việc kết nối các hành lang kinh tế trong nước với các hành lang kinh tế của khu vực và quốc tế.

- Tập trung phát triển các vùng động lực quốc gia đã được xác định trong Quy hoạch tổng thể quốc gia; phát huy vai trò của các cực tăng trưởng, các đô thị và địa bàn động lực, làm đầu tàu dẫn dắt tăng trưởng, tăng cường liên kết và lan tỏa phát triển trong vùng và giữa các vùng; tiếp tục mở rộng phạm vi các vùng động lực khi đủ điều kiện.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, nội dung của quy hoạch vùng; quan tâm đầu tư cho các cực tăng trưởng để làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho cả vùng.

3. Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển vùng

- Nghiên cứu, đổi mới mạnh mẽ mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Hội đồng điều phối vùng theo hướng thực chất, hiệu lực, hiệu quả; hoàn thiện cơ chế phối hợp, điều phối và huy động nguồn lực vùng theo nguyên tắc các địa phương cùng quyết định, cùng góp vốn, cùng chịu trách nhiệm và cùng hưởng lợi, không phát sinh khâu trung gian.

- Rà soát, đánh giá việc thực hiện thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù đối với một số địa phương; nghiên cứu, thể chế hóa các cơ chế, chính sách đặc thù được thực tiễn chứng minh là đúng, có hiệu quả để áp dụng trên phạm vi toàn quốc. Tạo đột phá về xây dựng, hoàn thiện thể chế và thực hiện quản trị quốc gia từ phát triển theo địa giới hành chính sang phát triển theo chức năng, tiềm năng, lợi thế, điều kiện tài nguyên - môi trường và liên kết vùng, liên kết ngành hiệu quả; gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh của các vùng, các cực tăng trưởng, các trung tâm kinh tế và chuỗi cung ứng trọng yếu.

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội để phát triển các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, khu kinh tế đặc biệt, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế, trung tâm dữ liệu quốc gia và các mô hình kinh tế mới.

- Tăng cường điều phối chung hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư nước ngoài theo vùng, gắn với định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên của từng vùng; nâng cao năng lực cạnh tranh giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng.

4. Đổi mới mô hình tăng trưởng, hình thành và phát triển các động lực kinh tế mới của vùng

- Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng của từng vùng dựa trên năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển mạnh các động lực tăng trưởng mới cho từng vùng từ công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ giá trị cao, nông nghiệp thông minh, kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các mô hình kinh tế mới và các ngành giá trị gia tăng cao.

- Phát triển kinh tế biển theo hướng hiện đại, hình thành các cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, hành lang kinh tế và các vùng động lực có khả năng cạnh tranh cao, gắn kết chặt chẽ với mạng lưới đô thị quốc gia; ưu tiên phát triển các khu kinh tế ven biển tập trung vào một số ngành trọng điểm phù hợp với các địa phương, tạo đột phá tăng trưởng.

- Phát triển đồng bộ, hiện đại, minh bạch, liên thông thị trường nhân tố sản xuất, nhất là thị trường vốn, khoa học - công nghệ và lao động chất lượng cao; đưa lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng trở thành một ngành kinh tế chiến lược, gắn các công trình đường sắt, cảng biển, năng lượng, đô thị thông minh, hạ tầng số với sự phát triển của các ngành công nghiệp hỗ trợ, từng bước làm chủ công nghệ sản xuất và gia tăng tỉ lệ nội địa hoá.

- Khuyến khích phát triển các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, có khả năng tự chủ sản xuất trong nước và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghiệp công nghệ số; tạo điều kiện phát triển dịch vụ tài chính, logistics, thương mại điện tử, du lịch chất lượng cao; cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng sinh thái, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, giá trị gia tăng cao và phát thải thấp theo chuỗi giá trị.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ, liên vùng

- Tập trung nguồn lực phát triển, hoàn thiện kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, kết nối đa phương thức, nhất là hạ tầng giao thông, cảng biển, cảng hàng không, năng lượng, hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu, có khả năng chống chịu thiên tai ở cấp độ cao, hạ tầng số, dữ liệu, hạ tầng xanh; các loại hình hạ tầng được kết nối hiệu quả theo hành lang kinh tế và không gian phát triển vùng.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông trục xương sống Bắc - Nam và hành lang Đông - Tây thế hệ mới; các cảng biển cửa ngõ có chức năng trung chuyển quốc tế, các cảng hàng không quốc tế lớn, các tuyến đường sắt kết nối với các cảng biển lớn, đường sắt kết nối quốc tế, đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam; nâng cấp, hiện đại hóa các tuyến đường sắt hiện có và khai thác hiệu quả lợi thế về vận tải đường thủy trở thành phương thức vận tải chủ yếu của một số vùng, tối ưu hóa chuỗi logistics; phát triển hạ tầng năng lượng bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế 2 con số.

- Phát triển hệ thống thủy lợi, phòng, chống thiên tai theo hướng đa mục tiêu, nâng cấp các công trình thủy lợi, hồ chứa nước trọng yếu bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân; xây dựng công trình kiểm soát nguồn nước tại các cửa sông lớn để chủ động kiểm soát mặn, trữ ngọt, củng cố hệ thống công trình phòng, chống lũ, chống ngập lụt tăng cường bảo vệ không gian thoát lũ trên các lưu vực sông, lòng sông, bảo đảm khả năng tiêu, thoát lũ, bảo vệ các đô thị, đặc biệt là các đô thị lớn.

- Tập trung nguồn lực hoàn thành các tuyến cao tốc, đường ven biển, quốc lộ quan trọng đáp ứng yêu cầu phát triển các hành lang kinh tế, nhu cầu kết nối vùng, liên vùng, kết nối thông suốt trên địa bàn đơn vị hành chính mới

sau sáp nhập, kết nối hạ tầng cửa ngõ (cảng biển, cảng hàng không quốc tế) để mở ra không gian phát triển mới và tạo sức bật mới thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

6. Phát triển hệ thống đô thị hiện đại và các cực tăng trưởng của vùng

- Hoàn thiện quy hoạch hệ thống đô thị, phát triển đô thị thành động lực tăng trưởng quan trọng có vai trò dẫn dắt, lan tỏa, bảo đảm kết hợp đồng bộ và hài hòa giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị với phát triển các đô thị mới.

- Bảo đảm tính liên kết giữa các đô thị phù hợp với quá trình sắp xếp đơn vị hành chính; phát triển các đô thị có chức năng tổng hợp theo hướng xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển đô thị theo hướng nén kết hợp tạo lập không gian công cộng, không gian xanh, sinh thái; quy hoạch, phát triển đô thị gắn với định hướng phát triển hệ thống giao thông công cộng (TOD).

- Xây dựng, phát triển thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố trực thuộc trung ương trở thành các đô thị năng động, sáng tạo, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị; phát triển các đô thị vệ tinh của một số đô thị lớn, nhất là thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; tăng cường đầu tư hạ tầng kết nối đô thị trung tâm tỉnh, thành phố sau sắp xếp, tạo các động lực bổ trợ, thúc đẩy các cực tăng trưởng cấp tỉnh và các tiểu vùng cùng phát triển, đồng thời chia sẻ vai trò, chức năng nhằm bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, thu hút các nguồn lực để mở ra các không gian phát triển mới.

- Mục tiêu phấn đấu đến năm 2045 xây dựng được ít nhất 5 đô thị đạt tầm cỡ quốc tế và định hướng phát triển các thành phố trực thuộc trung ương đóng vai trò là các cực tăng trưởng của vùng, kết nối nội vùng, liên vùng, khu vực và quốc tế.

7. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Xây dựng hệ thống dự báo, quy hoạch, quản trị phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của từng vùng và hiện đại hoá thị trường lao động; chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhất là các ngành mũi nhọn về khoa học, công nghệ, quản trị thông minh và các lĩnh vực ưu tiên, mới nổi như trí tuệ nhân tạo, điện tử, chip bán dẫn, công nghệ số, công nghệ sinh học, môi trường, năng lượng, vật liệu tiên tiến, rô-bốt và tự động hóa.

- Xây dựng các chính sách ưu đãi để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, các nhà khoa học giỏi, chuyên gia trình độ cao cho các ngành ưu tiên và các địa phương trong các vùng động lực. Đổi mới chính sách thu hút nguồn

nhân lực, đặc biệt là trí thức trẻ, cán bộ khoa học kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ.

- Phát triển đồng bộ mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ nhu cầu phát triển bền vững của đất nước; phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, tạo cơ hội cho mọi người dân tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế.

- Hình thành và nâng cấp mạng lưới các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, vùng và phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung trở thành hạt nhân của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và nghiên cứu, phát triển (R&D) quốc gia; hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo trên cơ sở liên kết các tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung; xây dựng các trung tâm dữ liệu gắn với các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, đầu tư xây dựng các trung tâm dữ liệu vùng.

8. Phát triển văn hóa, xã hội và bảo đảm an sinh xã hội toàn diện

- Bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và hải đảo. Nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội thiết yếu, dịch vụ trợ giúp xã hội, từng bước thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ giữa các vùng, địa phương; hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp và phát triển sinh kế bền vững phù hợp với điều kiện từng vùng.

- Hình thành, phát triển các không gian văn hóa các vùng theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu sáng tạo; xây dựng các cơ sở văn hóa quốc gia có sức cạnh tranh, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời thúc đẩy sự phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

- Phát triển hệ thống y tế các vùng toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối, lấy y tế dự phòng làm then chốt, y tế cơ sở làm nền tảng, y tế chuyên sâu làm động lực, bảo đảm mọi người dân đều được chăm sóc sức khoẻ toàn diện và hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân; đầu tư mỗi vùng có ít nhất một bệnh viện chuyên sâu mức kỹ thuật cao, mỗi tỉnh, thành phố có bệnh viện đạt cấp chuyên sâu; xây dựng các trung tâm kiểm nghiệm cấp vùng đạt tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn.

- Xây dựng hệ thống an sinh xã hội hiện đại, đa tầng, bền vững, bao trùm, linh hoạt và thích ứng cao; có cơ chế, chính sách, nguồn lực phù hợp phát triển các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,

khu vực biên giới, hải đảo, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển với các địa bàn thuận lợi.

9. Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Hoàn thiện thể chế, chính sách, quy hoạch về quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học phù hợp với quy hoạch vùng, quy hoạch tổng thể quốc gia; xây dựng nền tảng quản trị tài nguyên và môi trường hiện đại dựa trên dữ liệu gắn với cơ chế điều phối liên ngành, liên vùng.

- Đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư, hiện đại hoá hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo và dự báo thiên tai đa mục tiêu. Tăng cường giải pháp phi công trình, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, nâng cao năng lực cộng đồng và hiệu quả phối hợp liên vùng trong phòng, chống thiên tai.

- Nghiên cứu, phát triển các công cụ tài chính xử lý rủi ro thiên tai, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tài sản công và trái phiếu xanh phục vụ phát triển vùng bền vững.

- Hình thành cơ chế phối hợp giữa các địa phương trong huy động và sử dụng tài nguyên bền vững nhằm bảo vệ môi trường, chủ động và chia sẻ trách nhiệm, ưu tiên xử lý các vấn đề có tính liên vùng; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản quan trọng, chiến lược của từng vùng, nhất là tài nguyên biển, đất hiếm gắn với bảo vệ nguồn nước.

10. Tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

- Tiếp tục tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; củng cố thế trận quốc phòng, an ninh vùng, trọng tâm là các vùng chiến lược; hoàn thành quy hoạch tổng thể, điều chỉnh hệ thống công trình phòng thủ, nhất là trên tuyến biên giới và vùng biển, đảo.

- Xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng, công trình lưỡng dụng, các hải đội mạnh vừa làm kinh tế, hỗ trợ ngư dân, vừa bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển, đảo; thực hiện quản lý, bảo vệ đường biên giới và hệ thống mốc quốc giới theo các văn kiện pháp lý đã ký kết, tiếp tục thực hiện phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền tại các khu vực còn tồn đọng và phân định biển với các nước láng giềng.

- Đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế để huy động nguồn lực cho các dự án đầu tư hạ tầng, hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao

năng lực nhằm tăng cường kết nối, phát triển vùng; khai thác thế mạnh từng vùng thực hiện hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã tham gia.

11. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền các cấp ở địa phương phù hợp với đặc điểm từng vùng và đặc thù khu vực nông thôn, đô thị, miền núi, đặc khu; tiếp tục hoàn thiện việc phân định thẩm quyền giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương theo yêu cầu tại Kết luận số 76-KL/TW và Kế hoạch số 06-KH/TW; đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo phương châm "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm", gắn với xác định rõ trách nhiệm, nguồn lực và điều kiện bảo đảm thực hiện.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thúc đẩy chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương để nâng cao chất lượng quản lý và phục vụ người dân, doanh nghiệp; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả công tác.

- Tổ chức hiệu quả các chương trình kiểm tra, giám sát việc thực thi Nghị quyết và chính sách phát triển vùng; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Nghị quyết số 27-NQ/TW và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, ngành, địa phương mình, kịp thời xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của bộ, ngành, địa phương mình.

Việc bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, dự án có tính chất liên vùng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công; ưu tiên các dự án thuộc quy hoạch vùng, có tác động lan tỏa, kết nối liên vùng và có sự tham gia đóng góp nguồn lực của các địa phương.

Trường hợp cần điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu phát triển cho các vùng bảo đảm phù hợp với từng giai đoạn phát triển quốc gia, cơ quan chủ trì được phân công theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định. Các cơ quan được giao chủ trì theo dõi các chỉ tiêu

tại Phụ lục I ban hành kèm theo Chương trình hành động này có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương cụ thể hóa các chỉ tiêu của vùng tại Phụ lục I thành chỉ tiêu của từng địa phương trong vùng. Các bộ, ngành, địa phương có liên quan có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, số liệu với cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá chỉ tiêu.

b) Trước ngày 15 tháng 11 năm 2026, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động hoặc lồng ghép văn bản cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ và nguồn lực thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ, giải pháp và phân công đơn vị chủ trì thực hiện.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ hằng năm tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện (trong đó bao gồm kết quả rà soát, danh mục các nhiệm vụ, đề án dừng thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này), gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Bộ Tài chính hướng dẫn thống nhất đề cương, biểu mẫu báo cáo và bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện.

2. Đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này.

4. Bộ Tài chính là cơ quan đầu mối, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình hành động; định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 12 hoặc đột xuất báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức sơ kết (trước ngày 31 tháng 12 năm 2028), tổng kết (trước ngày 31 tháng 3 năm 2031) việc thực hiện Nghị quyết này.

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030 CỦA 6 VÙNG KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Chương trình tại Nghị quyết số 358 /NQ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Vùng trung du và miền núi phía Bắc	Vùng đồng bằng sông Hồng	Vùng Bắc Trung Bộ	Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Vùng Đông Nam Bộ	Vùng đồng bằng sông Cửu Long	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm (%)	9 - 10	11	10,5	10	10 - 11	9 - 9,5	Bộ Tài chính
2	GRDP bình quân đầu người (USD)	6.000	12.000 - 12.500	7.000	8.000	14.500	6.610	Bộ Tài chính
3	Tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (%)	11,6	3,1	10,8	16 - 17	3,0	26 - 27	Bộ Tài chính
4	Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng (%)	45,6	46,6	47,7	33 - 34	42 - 43	29 - 30	Bộ Tài chính
5	Tỉ trọng khu vực dịch vụ (%)	36,8	44,5	36,8	43 - 44	43 - 44	43 - 44	Bộ Tài chính
6	Tỉ trọng thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (%)	6,0	5,8	5,7	6 - 7	10 - 11	3 - 4	Bộ Tài chính
7	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP (%)	20 - 22	30 - 32	30	14	30 - 32	23 - 24	Bộ Tài chính
8	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP (%)	25 - 30	35	30	30	35 - 40	25 - 30	Bộ Tài chính
9	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (%)	45	60	55	45	60	45	Bộ Tài chính
10	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	9,3	8,5	8,5	8,5	9 - 10	8,0	Bộ Tài chính
11	Tỉ lệ đô thị hóa (%)	40	55	47 - 48	50	65 - 70	42	Bộ Xây dựng

12	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	74	76	75,5	75,5	76	75,5	Bộ Y tế
13	Thời gian sống khỏe (năm)	68	68	68	68	68	68	Bộ Y tế
14	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)	35 - 40	48 - 52	35 - 40	30 - 35	40 - 45	25 - 30	Bộ Giáo dục và Đào tạo
15	Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) (điểm %)	2 - 3	1 - 1,5	1 - 1,5	1 - 1,5	1 - 1,5	Dưới 2	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
16	Số bác sĩ/vạn dân (người)	13	17	15	17	19	15	Bộ Y tế
17	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm (%)	100	100	100	100	100	100	Bộ Y tế
18	Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	Đạt bao phủ BHYT toàn dân	Đạt bao phủ BHYT toàn dân	Đạt bao phủ BHYT toàn dân	Trên 95%	Đạt bao phủ BHYT toàn dân	Đạt bao phủ BHYT toàn dân	Bộ Y tế
19	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,75	0,83	0,8	0,8	0,83	0,75 - 0,78	Bộ Tài chính
20	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	100	100	100	100	100	100	Bộ Tài chính
21	Tỉ lệ che phủ rừng (%)	55	20,88	57	51	19,6	7,5	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
22	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó hiện đại) (%)	60% (8 - 10%)	100% (60%)	65% (9 - 10%)	65% (10%)	80% (50%)	50% (10%)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Ghi chú:

- Số liệu các chỉ tiêu được thu thập, tổng hợp theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và số liệu do cơ quan thống kê công bố.

- Các bộ, ngành, địa phương có liên quan có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, số liệu với cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá chỉ tiêu; cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá hướng dẫn các địa phương cụ thể hóa chỉ tiêu của vùng thành chỉ tiêu của từng địa phương theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục III Chương trình hành động.

Phụ lục II

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 27-NQ/TW

(Kèm theo Chương trình tại Nghị quyết số 358 /NQ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Cấp trình	Thời gian hoàn thành
I. Tổ chức không gian phát triển vùng và thực hiện quy hoạch vùng						
1	Tổ chức triển khai hiệu quả các quy hoạch vùng (điều chỉnh) đã được phê duyệt	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Chương trình thực hiện các quy hoạch vùng (điều chỉnh)	Thủ tướng Chính phủ	2026
2	Tập trung phát triển các vùng động lực quốc gia, các hành lang kinh tế; phát huy vai trò các cực tăng trưởng, các đô thị động lực để dẫn dắt phát triển, tăng cường liên kết	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030
3	Bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá về phát triển vùng, ưu tiên bố trí các dự án liên vùng của các địa phương	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030
II. Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển vùng						
1	Đổi mới mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của Hội đồng điều phối vùng; hoàn thiện cơ chế điều phối, kết nối phát triển vùng thật sự mạnh, thực chất, hiệu quả; cơ chế để các cực tăng trưởng, đô thị động lực tham gia điều phối phát triển vùng ở một số lĩnh vực; cơ chế điều phối chung hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài theo vùng	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Quyết định kiện toàn Hội đồng điều phối vùng; cơ chế, chính sách phát triển vùng	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2027
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ, thực chất kết quả thực hiện của từng vùng, từng địa phương gắn với trách nhiệm của người đứng đầu	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá được ban hành và tổ chức thực hiện	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030
III. Đổi mới mô hình tăng trưởng, hình thành và phát triển các động lực kinh tế mới của vùng						
1	Đề án phát triển kinh tế biển hiện đại, có năng lực cạnh tranh cao tại các vùng ven biển	Bộ Tài chính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành và địa phương ven biển	Đề án/Báo cáo	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2028

2	Lồng ghép nội dung phát triển thương mại điện tử gắn với liên kết vùng, kết nối sản xuất và thị trường vào Đề án phát triển hệ sinh thái thương mại điện tử nội địa	Bộ Công Thương	Các địa phương có liên quan	Đề án/Báo cáo	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030
IV. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ, liên vùng						
1	Đầu tư đồng bộ hệ thống đường bộ cao tốc liên vùng, kết nối các vùng động lực, cực tăng trưởng quốc gia	Bộ Xây dựng Các địa phương	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Các dự án được đầu tư, nâng cấp, hoàn thành theo tiến độ (*)	Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030 (**)
2	Đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống đường sắt quốc gia và liên vùng, trọng tâm là tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam và các tuyến đường sắt kết nối liên vùng, kết nối cảng biển lớn, kết nối quốc tế; nâng cấp, hiện đại hóa các tuyến đường sắt hiện có	Bộ Xây dựng Các địa phương	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Các dự án được đầu tư, nâng cấp, hoàn thành theo tiến độ (*)	Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2035 (**)
3	Đầu tư, nâng cấp đồng bộ hệ thống cảng hàng không quốc gia gắn với các vùng động lực, cực tăng trưởng	Bộ Xây dựng Các địa phương	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Các dự án được đầu tư, nâng cấp, hoàn thành theo tiến độ (*)	Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030 (**)
4	Đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống cảng biển, khu kinh tế ven biển, trung tâm logistics quốc gia gắn với các hành lang kinh tế	Bộ Xây dựng Bộ Công Thương Các địa phương	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Các dự án được đầu tư, nâng cấp, hoàn thành theo tiến độ (*)	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030 (**)
5	Xây dựng hệ thống điều hành nguồn nước trên cơ sở dữ liệu thời gian thực gắn kết với Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước và các đề án phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các địa phương có liên quan	Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030
V. Phát triển hệ thống đô thị hiện đại và các cực tăng trưởng của vùng						
1	Đề án phát triển vùng đô thị Hà Nội trở thành cực tăng trưởng hàng đầu cả nước	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Đề án/Báo cáo	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2028
2	Đề án phát triển vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh trở thành cực tăng trưởng hàng đầu cả nước	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Đề án/Báo cáo	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2028
3	Đề án phát triển, xây dựng ít nhất 05 đô thị đạt tầm cỡ quốc tế đến năm 2045	Bộ Xây dựng	Các địa phương có liên quan	Đề án/Báo cáo	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030
VI. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						
1	Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với yêu cầu phát triển của từng vùng	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành và địa phương có liên quan theo lĩnh vực	Đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2027

2	Triển khai xây dựng các Trung tâm dữ liệu quốc gia theo lộ trình, góp phần phục vụ tăng trưởng vùng, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ và các địa phương có liên quan	Đề án/Báo cáo	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2028
3	Xây dựng các Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển vùng; hình thành, nâng cấp mạng lưới các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, vùng, phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung và các cụm liên kết đổi mới sáng tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Đề án/Báo cáo	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2028
VII. Phát triển văn hóa, xã hội và bảo đảm an sinh xã hội toàn diện						
1	Đề án phát triển các trung tâm hội chợ, triển lãm và không gian văn hóa cấp vùng gắn với phát triển công nghiệp văn hóa; thúc đẩy liên kết các địa phương hình thành các trục di sản, văn hóa, du lịch liên vùng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các địa phương có liên quan	Đề án/Báo cáo	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2028
2	Đề án phát triển hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại gắn với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Bộ Nội vụ, các địa phương có liên quan	Đề án/Báo cáo	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030
3	Cơ chế, chính sách đầu tư, phát triển thương mại điện tử thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ hàng hoá trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Các bộ, ngành, các địa phương có liên quan	Cơ chế, chính sách trình cấp có thẩm quyền	Thủ tướng Chính phủ	2027-2030
4	Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp và phát triển sinh kế bền vững phù hợp với điều kiện, nhu cầu thị trường lao động của từng vùng	Bộ Nội vụ	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Các chính sách, chương trình hỗ trợ việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030
5	Nâng cao năng lực mạng lưới chăm sóc xã hội toàn diện, bảo đảm người dân có nhu cầu được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp, bền vững và nhân văn	Bộ Y tế	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội và địa phương có liên quan theo lĩnh vực	Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030
VIII. Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu						
1	Đề án xây dựng hệ thống dữ liệu môi trường, các trung tâm dữ liệu môi trường và biến đổi khí hậu vùng, kết nối với hệ thống quan trắc, giám sát môi trường quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các địa phương có liên quan	Đề án/Báo cáo	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2028

2	Nghiên cứu, phát triển các công cụ tài chính xử lý rủi ro thiên tai, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tài sản công và trái phiếu xanh phục vụ phát triển vùng bền vững	Bộ Tài chính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các chính sách, công cụ tài chính	Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	2026-2030
IX. Tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế						
1	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ tuyến biên giới, vùng biển đảo của các địa phương có biên giới đất liền, biên giới biển, đảo	Bộ Quốc phòng	Các địa phương có liên quan	Hồ sơ đề xuất điều chỉnh quy hoạch trình cấp có thẩm quyền	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030
2	Xây dựng và phát triển các khu kinh tế - quốc phòng	Bộ Quốc phòng	Các địa phương có liên quan	Đề án được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030
3	Xây dựng và phát triển các công trình lưỡng dụng gắn với các vùng chiến lược	Bộ Quốc phòng	Các địa phương có liên quan	Các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030
4	Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững chắc, bảo đảm liên kết chặt chẽ trong thế trận phòng thủ quân khu và cả nước	Bộ Quốc phòng	Các địa phương có liên quan	Các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030
5	Xây dựng đường tuần tra, các chốt dân quân thường trực trên tuyến biên giới	Bộ Quốc phòng	Các địa phương có liên quan	Các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030
6	Tổ chức triển khai hiệu quả Đề án Hệ sinh thái tận dụng các FTA giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến 2035	Bộ Công Thương	Bộ Ngoại giao, các địa phương có liên quan	Chương trình/ kế hoạch thực hiện Đề án	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030
X. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị						
1	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch vùng; triển khai các nền tảng số dùng chung phục vụ quản lý, điều hành phát triển vùng	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành và địa phương có liên quan	Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2028

Ghi chú:

(*) Theo danh mục công trình, dự án giao thông trọng điểm tại Phụ lục 02 kèm theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(**) Là giai đoạn tổ chức thực hiện; thời gian hoàn thành từng công trình, dự án theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.